CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

(Ban hành theo Quyết định số /2021/QĐ-TCQTMK ngày tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Mekong)

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**12**	**255**	**98**	**145**	**12**
MH01	Chính trị	2	30	28	0	2
MH02	Pháp luật	1	15	14	0	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	0	29	1
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	14	29	2
MH05	Tin học	2	45	14	29	2
MH06	Ngoại ngữ	4	90	28	58	4
II	**Các môn học/mô đun chuyên môn**	**57**	**1485**	**378**	**1050**	**57**
II.1	***Các môn học/mô đun cơ sở***	**18**	**315**	**210**	**87**	**18**
MH07	Hóa phân tích	2	45	14	29	2
MH08	Giải phẫu – Sinh lý	2	45	14	29	2
MH09	Dược lý	2	30	28	0	2
MH10	Vệ sinh phòng bệnh	2	30	28	0	2
MH11	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	3	60	28	29	3
MH12	Bệnh học	3	45	42	0	3
MH13	Tâm lý – Giáo dục sức khỏe	2	30	28	0	2
MH14	Tổ chức quản lý y tế	2	30	28	0	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II.2	***Các môn học/mô đun chuyên môn***	**37**	**1140**	**140**	**963**	**37**
MH15	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	3	60	28	29	3
MH16	Vi sinh	5	120	28	87	5
MH17	Huyết học	6	150	28	116	6
MH18	Hóa sinh	6	150	28	116	6
MH19	Ký sinh trùng	5	120	28	87	5
MH20	Thực tập Vi sinh	3	135	0	132	3
MH21	Thực tập Huyết học	3	135	0	132	3
MH22	Thực tập Hóa sinh	3	135	0	132	3
MH23	Thực tập Ký sinh trùng	3	135	0	132	3
II.3	***Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2)***	**2**	**30**	**28**	**0**	**2**
MH24	Kỹ năng giao tiếp	2	30	28	0	2
MH25	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	28	0	2
Tổng cộng (I+II)		**69**	**1740**	**476**	**1195**	**69**